TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 150 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5- 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mỹ Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông (Bà):
2/ Ông (Bà):

-Thư ký phiên toà: **Bà Lê Yến Phương** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: **Bà Cao Thị Thu Hồng Em-** Kiểm sát viên

Ngày **8** tháng **5** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: Chị **Lê Thị Trúc L ,** sinh năm**:** 1990 (**Có mặt)**
Nơi cưu trú:149/24, Tổ 9, ấp V, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh Th, Tp. C

2.***Bị đơn***: Anh **Nguyễn Văn H,** sinh năm: 1983 **(Vắng mặt)**
Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 3/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh H về sống bên gia đình anh H. Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, anh H sinh ra ăn chơi, không chí thú làm ăn,

không chăm lo gia đình vợ con, vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn, trong giải quyết nội bộ gia đình. Từ tháng 7 năm 2009 chị và anh H ly thân nhau đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H

Về con chung: Chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 13/2/2006. Hiện cháu đang sống với anh H. Sau khi ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Trúc L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị L. Tòa án cũng tiến hành xác minh lấy lời khai của anh H. Tại biên bản xác minh anh H ngày 15/3/2018 thì anh H cho biết. Về hôn nhân: Anh và chị L kết hôn vào năm 2004, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do L tự ý bỏ về cha mẹ ruột sinh sống, anh có qua rước về nhưng L không đồng ý nên vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7 năm 2009 đến nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của L thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh và L có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 13/2/ 2006. Hiện cháu đang sống với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. **Về tố tụng**: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án**: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Đề nghị giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do.

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H theo quy định pháp luật.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn Hchung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới. Theo chị L và anh H trình bày anh, chị chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu ngày 8/8/2017 thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của chị L và anh H. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa anh H và chị L đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của chị L và anh H đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị L và anh H không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H là phù hợp.

[2.2] **Về con chung:** Chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 13/2/2006. Hiện cháu đang sống với anh Hận. Sau khi ly hôn chị L đồng ý giao cháu T cho anh H nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con, anh H yêu cầu nuôi con, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Tại bản tự khai của cháu Trngày 15/3/2018 cháu cũng có nguyện vọng sống với anh H khi cha mẹ ly hôn. Do đó ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị L và anh H sau khi ly hôn anh H được nuôi dưỡng cháu T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Giành quyền tới lui chăm sóc con chung cho anh chị L không ai cản trở khi chị thực hiện quyền này.

[2.4] **Về tài sản và nợ chung**: Chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] **Về án phí:** Do yêu cầu của Chị Lê Thị Trúc L được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.**Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn H

2**. Về nuôi con chung**: Anh Nguyễn Văn H được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 13/2/2006. Chị Lê Thị Trúc L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở khi chị thực hiện quyền này

3**. Về tài sản chung:** Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4**. Về nợ chung:** Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

5**. Về án phí dân sự sơ thẩm**: Chị Lê Thị Trúc L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003129 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6.Về kháng cáo: Chị Lê Thị Trúc L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 8/5/2018). Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung